

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DS-ST

Ngày 29 - 11 - 2021

V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất
động sản liền kề, yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung;
2. Ông Nguyễn Xuân Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di
Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà
My La - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 và ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân
huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
57/2017/TLST-DS ngày 04/4/2017, về tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động
sản liền kề, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2021, Quyết định
hoãn phiên tòa số: 66/2021/QĐST-DS ngày 01/10/2021 và Quyết định hoãn phiên
tòa số: 70/2021/QĐST-DS ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T; sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn 11, xã
N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đặng Trung K; sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2.2. Ông Nguyễn Văn P; sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Thanh M; địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Q; địa chỉ: Tổ 14, ấp L, xã X, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Bảo C; địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Bảo C; địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2021. Có mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị Th; địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3.6. Vợ chồng anh Lê Ngọc S, chị Đặng Thị Vân A; địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3.7. Bà Phan Thị Th1; địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3.8. UBND huyện D; trụ sở: Đường Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức C— Chủ tịch UBND huyện D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2016, các đơn bổ sung ngày 19/12/2016, 10/02/2017, 04/4/2017 và lời khai của vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị Đ có nội dung:

Ngày 10/4/1994, UBND xã HN, huyện D lập biên bản giao cho ông Nguyễn Hồng M là em vợ ông T được sử dụng 18.000m² đất rừng tại xã HN. Do ông M chuyển về quê sinh sống nên giao lại đất cho gia đình ông T khai phá, canh tác. Tuy nhiên, gia đình ông T chỉ khai phá và trồng cà phê trên diện tích khoảng

12.000m², phần còn lại ông T cho ông K và em trai là ông H mượn để tự khai phá trồng cà phê. Đến năm 1995 chính quyền đo đạc, lập bản đồ địa chính và khu vực này được xác định tại thửa 09, 13, 14 tờ bản đồ số 31 xã HN. Ngày 22/01/1997 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 400m² đất ở và 12.310m² đất nông nghiệp tại thửa 09, tờ bản đồ 31 xã HN; ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 9.472m² đất nông nghiệp tại thửa 14, tờ bản đồ 31 xã HN. Đối với phần đất ông H mượn canh tác thì con trai ông T là anh Nguyễn Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 400m² đất ở và 10.333m² đất nông nghiệp tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN. Đến ngày 12/7/2018 anh Q lập thủ tục tặng cho con trai là Nguyễn Bảo C toàn bộ đất và tài sản trên đất tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN.

Theo biên bản giao đất cho ông Nguyễn Hồng M do UBND xã HN lập ngày 10/4/1994 thể hiện phía đông giáp suối và đất của ông M, phía tây giáp suối và đường đi, phía nam giáp đường đi, phía bắc giáp suối. Phần đất của ông M sau đó vợ chồng ông P canh tác và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/1997 đối với 400m² đất ở và 18.043m² đất nông nghiệp tại thửa 12, tờ bản đồ 31 xã HN. Mặc dù khi giao đất không đo đạc cụ thể và chưa có bản đồ địa chính, nhưng khi đó UBND xã HN đã thống nhất với các hộ là để 01 lối đi rộng 04m ở vị trí giáp ranh giữa đất giao cho ông M và đất của ông M (hiện ông P canh tác) để làm lối đi ra đường thôn. Tuy nhiên, quá trình sử dụng đất thì ông P, ông K và ông H đã trồng cà phê và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cả phần đất đã thống nhất để làm lối đi. Vì vậy, từ năm 1994 đến nay, gia đình ông T phải đi nhờ qua đất ông H đang canh tác tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN để ra đường đi chung.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông K, ông P và ông H trả lại đất để mở một lối đi rộng 04m tại ranh giới một bên là đất của ông K tại thửa 14 và đất ông H tại thửa 13, một bên là đất của ông P tại thửa 12, chiều dài lối đi từ thửa 09, tờ bản đồ 31 xã HN của ông T đến đường thôn mà không phải đền bù, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn P tại thửa 12, anh Nguyễn Q (đã tặng cho anh Nguyễn Bảo C) tại thửa 13 và ông Đặng Trung K tại thửa 14, tờ bản đồ 31 xã HN.

Chứng cứ chứng minh là bản sao biên bản giao đất cho ông Nguyễn Hồng M do UBND xã HN lập ngày 10/4/1994; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 09, 13 tờ bản đồ 31 xã HN.

Vợ chồng ông Đặng Trung K, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Năm 1994 ông K và ông T cùng nhau phát được khoảng 03ha đất rẫy tại xã HN. Cùng thời điểm đó có em trai của ông T là ông Nguyễn Trung H chuyển từ miền tây đến sinh sống tại xã HN, nên ông T và ông K thống nhất chia đất thành 03 phần cho ông T, ông K, ông H mỗi người canh tác 01 phần. Tại thời điểm đó xung quanh đều là đất rừng và không có đường đi. Sau này ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 09; ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 14, cùng tờ bản đồ 31 xã HN. Đối với phần đất ông H canh tác được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con trai ông T là anh Q tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN. Gần đây vợ chồng ông K đã giao đất của mình tại thửa 14 cho các con là vợ chồng anh Lê Ngọc S, chị Đặng Thị Vân A canh tác.

Từ năm 1994 đến nay, gia đình ông T đã có lối đi từ thửa 09 qua thửa 13 để ra đường đi chung. Trong khi đó ông T đã khẳng định thửa 13 là đất ông T cho ông H mượn canh tác, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 13 được cấp lần đầu cho con trai ông T là anh Nguyễn Q, sau đó anh Q cho tặng con trai mình là anh Nguyễn Bảo C. Vì vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng tôi, đòi vợ chồng tôi phá cả phê để lấy đất cho ông T mở lối đi khác là không thể chấp nhận. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T.

Vợ chồng anh Lê Ngọc S, chị Đặng Thị Vân A trình bày:

Đất trồng cà phê tại thửa 14, tờ bản đồ 31 xã HN thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cha mẹ chúng tôi là ông K, bà Thìn. Vợ chồng tôi được cha, mẹ giao cho canh tác cây cà phê đất từ năm 2007 nhưng quyền sử dụng đất vẫn của cha, mẹ chúng tôi. Chúng tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị tòa xem xét.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị Th1 trình bày:

Năm 1994 ông Ba M nhận thầu của UBND xã HN khoảng 100ha đất, sau đó nhượng lại cho vợ chồng tôi khoảng gần 02ha. Vợ chồng tôi trồng cà phê và canh tác từ năm 1995 và không có lối đi tại ranh giới đất như ông T trình bày. Ngày 03/4/1997 vợ chồng tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 400m² đất ở và 18.043m² đất nông nghiệp tại thửa 12, tờ bản đồ 31 xã HN và canh tác ổn định đến nay. Thực tế từ năm 1994 đến nay, gia đình ông T vẫn sử dụng lối đi từ thửa 09 qua thửa 13 để ra đường đi chung. Vì vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng tôi, đòi vợ chồng tôi phá cả

phê để lấy đất cho ông T mở lối đi khác là không thể chấp nhận. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T.

Vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Thanh M trình bày:

Năm 1995 gia đình tôi chuyển từ miền tây đến xã HN sinh sống cùng anh trai là ông T, được ông T và ông K chia cho khoảng 01ha đất rừng tạp để khai phá, trồng cà phê. Sau đó chính quyền đo đạc xác định phần đất trên thuộc thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN. Đến năm 1997 chính quyền thông báo làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vợ chồng tôi chưa có hộ khẩu tại địa phương, nên gia đình thống nhất để con trai ông T là anh Nguyễn Q đứng ra làm thủ tục được cấp quyền sử dụng 400m² đất ở và 10.333m² đất nông nghiệp tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN. Nay chúng tôi không chấp nhận phá cà phê để mở lối đi như yêu cầu khởi kiện của ông T.

Anh Nguyễn Q trình bày:

Tôi được cấp quyền sử dụng diện tích 10.733m² đất tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN. Do đi làm ăn xa nên tôi đã cho con tôi là Nguyễn Bảo C được quyền sử dụng diện tích đất nêu trên từ tháng 8 năm 2018. Vì vậy tôi không có quyền, nghĩa vụ gì trong vụ án này nữa.

Anh Nguyễn Bảo C trình bày:

Tôi là con trai ông Nguyễn Q và là cháu nội của ông T, bà Đ. Hiện nay tôi chung sống cùng ông T, bà Đ tại căn nhà trên thửa đất số 09, tờ bản đồ 31 xã HN. Cha tôi ông Nguyễn Q đã được UBND huyện D cấp quyền sử dụng đất tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN. Vào tháng 8 năm 2018 cha tôi đã lập thủ tục tặng cho tôi được quyền sử dụng diện tích đất nêu trên. Nay tôi đồng ý phác cây cà phê để bỏ ra 183,5m² đất tại thửa 13 để làm đường đi như yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ý kiến của UBND huyện D:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P tại thửa 12, anh Nguyễn Q tại thửa 13 và ông Đặng Trung K tại thửa 14, tờ bản đồ 31 xã HN được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Q tặng cho anh Nguyễn Bảo C quyền sử dụng đất tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN thực hiện theo hợp đồng được UBND xã HN chứng thực số 82, quyền số 01/2018-SCT/HĐGD ngày 12/7/2018 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thẩm định, giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Công T đòi đất mở lối đi và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn P tại

thửa 12, ông Nguyễn Q tại thửa 13 và ông Đặng Trung K tại thửa 14, tờ bản đồ 31 xã HN thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T; buộc ông Nguyễn Công T chịu toàn bộ chi phí tố tụng và miễn cho ông Nguyễn Công T toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H, bà Minh, anh Q và đại diện UBND huyện D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Theo các tài liệu, chứng cứ do UBND huyện D, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Di Linh cung cấp và do đương sự giao nộp có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn Công T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/01/1997 đối với 400m² đất ở và 12.310m² đất nông nghiệp tại thửa 09, tờ bản đồ 31 xã HN; ông Đặng Trung K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/01/1997 đối với 9.472m² đất nông nghiệp tại thửa 14, tờ bản đồ 31 xã HN; ông Nguyễn Văn P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/1997 đối với 400m² đất ở và 18.043m² đất nông nghiệp tại thửa 12, tờ bản đồ 31 xã HN; anh Nguyễn Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/01/1997 đối với 400m² đất ở và 10.333m² đất nông nghiệp tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN; ngày 12/7/2018 anh Nguyễn Q lập thủ tục tặng cho anh Nguyễn Bảo C toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN. *Tại văn bản số 2177/UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện D xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, ông K, anh Q và việc anh Nguyễn Q tặng cho đất anh Nguyễn Bảo C được thực hiện đúng quy định của pháp luật.*

- Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất tranh chấp; Hòa đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp và biên bản định giá tài sản tranh chấp cho thấy: Hiện nay gia đình ông T đang sử dụng 01 lối đi từ thửa 09 qua thửa 13, tờ bản đồ 31 xã HN để ra đường đi chung. Phần đất ông T yêu cầu mở lối đi mới từ thửa 09 đến đường đi công cộng có chiều dài 168m, rộng 04m với diện tích 671,5m² tại ranh giới một bên là thửa 12 và một bên là thửa 13 và thửa 14 tờ bản đồ 31 xã HN, trên đất hiện nay có cây cà phê đang trong thời kỳ kinh doanh, gồm: Diện tích 183,5m² thuộc một phần thửa 13 do gia đình ông H đang sử dụng có 29 cây cà phê Robusta; diện tích 236m² thuộc một phần thửa 14 của vợ chồng ông K có 38 cây cà phê Robusta; diện tích 252m² thuộc một phần thửa 12 của vợ chồng ông P có 15 cây cà phê Robusta. Đối chiếu với bản đồ địa chính số 31 xã HN được đo đạc năm 1996 thì trên bản đồ không thể hiện có đường đi ở vị trí ông T yêu cầu mở lối đi mới nêu trên.

- Tại biên bản làm việc ngày 20/6/2019, đại diện UBND xã HN xác định: *Việc UBND xã HN lập biên bản ngày 10/4/1994 để giao đất cho ông Nguyễn Hồng M là không đúng thẩm quyền và trái pháp luật. Tại vị trí ông T yêu cầu mở đường đi, trên bản đồ địa chính và thực tế sử dụng đất từ trước đến nay không có đường đi. Căn cứ bản đồ địa chính đo đạc năm 1996, UBND xã HN đã lập hồ sơ đề nghị UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, ông K, và anh Q tại các thửa 12, 13, 14 tờ bản đồ 31 xã HN theo đúng quy định của pháp luật.*

- Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P tại thửa 12, anh Nguyễn Q tại thửa 13 và ông Đặng Trung K tại thửa 14, tờ bản đồ 31 xã HN đã được UBND huyện D khẳng định là đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, theo quy định của pháp luật đất đai thì UBND cấp xã không có thẩm quyền giao đất, việc UBND xã HN tự ý lập biên bản giao đất ngày 10/4/1994 mà không có quyết định giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái pháp luật. Mặt khác, theo lời khai của ông T thì từ năm 1994 đến nay, gia đình ông sử dụng 01 lối đi từ thửa 09 qua thửa 13 để ra đường đi chung; ông T cũng khẳng định thửa đất số 13, tờ bản đồ 31 xã HN do ông T khai phá sau đó cho em trai là ông H mượn để canh tác. Trên thực tế, mặc dù thửa đất số 13 không đứng tên vợ chồng ông T nhưng đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho con trai ông T là anh Quyền, đến năm 2018 anh Q đã lập thủ tục tặng cho anh Châu là con trai anh Q và là cháu nội ông T, hiện nay anh Châu đang chung sống cùng với vợ chồng ông T. Do đó có cơ sở khẳng định từ năm 1994 đến nay gia đình ông T đã có lối đi từ thửa đất số 09, tờ bản đồ 31 xã HN ra đường đi công cộng, nên việc ông T căn cứ biên bản giao đất do UBND xã HN lập ngày

10/4/1994 để khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp hợp pháp cho ông P, ông K, anh Q(nay là anh C), đồng thời đòi ông K, ông P, ông H phải phá cây cà phê để giao đất cho ông T mở lối đi mới từ thửa đất số 09 ra đường đi công cộng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông T đã nộp 6.563.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản và đã được quyết toán công khai. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

[4] Về án phí: Do ông Nguyễn Công T là người già (trên 60 tuổi) nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, các Điều 34, 39, 144, 147, 157, 165, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 6, 26, 97, 171, 179, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu mở lối đi mới tại vị trí ranh giới các thửa 12, 13, 14 tờ bản đồ 31 xã HN và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn P tại thửa 12, anh Nguyễn Q (nay là anh Nguyễn Bảo C) tại thửa 13 và ông Đặng Trung K tại thửa 14 của tờ bản đồ 31 xã HN.

2. Ông Nguyễn Công T phải chịu 6.563.000 đồng chi phí tố tụng (đã nộp đủ).

3. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Công T. Hoàn trả cho ông Nguyễn Công T 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0004404, ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LB;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ